

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82^A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 28/8/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1982.

ĐKKH và nơi cư trú: KDC T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư, Văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Số 2, khu 1, phường Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn M**, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

3. Người làm chứng: Ông Trịnh Văn M – Sinh năm 1956 và bà Phạm Thị T – Sinh năm: 1961. Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Trịnh Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Kh, huyện G (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/8/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Kể từ năm 2019, anh M đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng của mình, anh M không còn liên lạc và quan tâm gì tới chị và gia đình. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Thị N, sinh ngày 11/6/2001 hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; con chung là Trịnh Văn H, sinh ngày 07/11/2005 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2015 hiện đang ở với chị và ông bà nội. Con Trịnh Văn H có nguyện vọng ở với ai chị cũng nhất trí, chị đề nghị được nuôi dưỡng con Trịnh Thị Ngọc H. Trường hợp chị được nuôi dưỡng cả hai con chị cũng nhất trí và tự nguyện không yêu cầu anh Mạnh phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Trịnh Văn M và bà Phạm Thị T (là bố, mẹ đẻ anh M) khai: Gia đình ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh M nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh M vẫn thường xuyên liên lạc với ông, bà qua điện thoại. Gia đình đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh M biết. Thông qua gia đình, anh M trình bày quan điểm: Mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải, tháo gỡ được. Kể từ khi anh đi lao động, chị L có quan hệ tình cảm với người khác nên thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến con cái. Con cái chủ yếu là do anh gửi tiền về cho bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị L kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ông M, bà T xác định chị L có những cư xử không đúng mực với chồng và gia đình chồng, vợ chồng anh M, chị L không còn tình cảm nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi chị L, anh M đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng chị Liên, anh M đã xảy ra mâu thuẫn, địa phương cũng mong muốn chị L suy nghĩ lại về việc vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị L, anh M là Trịnh Văn H có nguyện vọng ở với anh M.

Tại phiên tòa : Nguyên đơn chị Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp được giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con.

Ông M, bà T khai: Hiện gia đình không có địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài, anh M thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại và nhất trí ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng chị L, anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong thời gian anh M ở nước ngoài, chị Liên ở nhà nhưng không quan tâm tới gia đình, con cái, đi làm công nhân ở Hải Dương nhưng có nhiều lần không về nhà. Quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Trịnh Văn M có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở KDC T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện anh M đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M ở Hàn Quốc. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh M cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh M biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L, anh M nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông M vẫn thường xuyên liên lạc với anh M. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh M biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh chị. Tuy nhiên anh M vắng mặt lần thứ hai, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Liên là ông Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi HĐXX Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trịnh Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/8/2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống bất đồng nên thường xảy ra cãi nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Khi anh M đi xuất khẩu lao động, chị L và anh M không liên lạc, không có sự quan tâm lẫn nhau. Thông qua gia đình, anh M thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh Mạnh là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Phạm Thị L và anh Trịnh Văn M có ba con chung là Trịnh Thị N, sinh ngày 11/6/2001 hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét. Con chung là Trịnh Văn H sinh ngày 07/11/2005 và Trịnh Thị Ngọc H sinh ngày 02/01/2015, hiện đang ở với chị và ông bà nội. Hiện tại chị Phạm Thị L đang làm công nhân tại địa phương, có thu nhập, có chỗ ăn ở ổn định. Con chung Trịnh Thị Ngọc H vẫn còn nhỏ, còn con chung là Trịnh Văn H mặc dù có nguyện vọng ở với anh M nhưng hiện tại anh M đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, thông qua gia đình anh M cũng có quan điểm nhất trí để chị L nuôi con cho đến khi thành niên. Do vậy, HĐXX chấp nhận giao con chung Trịnh Văn H và Trịnh Thị Ngọc H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Sau này anh M về Việt Nam nếu có căn cứ thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L. Xử cho chị **Phạm Thị L** ly hôn anh **Trịnh Văn M**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trịnh Văn H, sinh ngày 07/11/2005 và Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Mạnh phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Trịnh Văn M thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002776 ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trịnh văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân